TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAN PHƯỢNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **10**/2025/DS-ST Ngày: 25/4/2025 *V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Sơn Hà;

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Hoàn và ông Bùi Văn Độ

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Toàn, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Dung, Kiểm sát viên;

Ngày 25 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Đan Phượng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 89/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐST- DS, ngày 10/4/2025; giữa:

Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Văn H,** sinh năm 1964. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số nhà 93, ngõ 36 phố D, tổ 16, phường V, quận C, thành phố H.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông H: **Ông Nguyễn Văn D,** sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 5, ngõ 341/19/5 đường X, TDP số 5 phường P, quận N, thành phố H. Có mặt.

Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị T,** sinh năm 1952. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 1, ngách 7, ngõ 192 đường Y, cụm 6, xã T, huyện Đ, thành phố H.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà T: **Ông Nguyễn Văn A,** sinh năm 1970; Địa chỉ: Số 11, ngõ 81 phố H, phường Ô, quận Đ, thành phố H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2024 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 03/1/2018 ông Nguyễn Văn H cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất theo thoả thuận 4%/1 tháng. Đến ngày 20/3/2018 ông H tiếp tục cho bà T vay 01 cây vàng 9999, lãi suất theo thoả thuận 1.000.000 đồng/tháng. Kể từ tháng 7/2020 đến nay, bà T

không trả số tiền nợ gốc và lãi suất theo thoả thuận của các bên. Do vậy, ông H yêu cầu bà T, thanh toán số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và 01 cây vàng 9999 và lãi suất theo bảng lãi suất đã kê theo đơn khởi kiện.

Tại phiên Toà hai bên thống nhất quy đổi 01 cây vàng 9999 thành tiền tương đương với giá trị hiện tại là 121.000.000 đồng. Do đó, ông H yêu cầu bà T trả tổng cộng số tiền nợ gốc là 221.000.000 đồng, số tiền nợ lãi tạm tính từ tháng 7/2020 đến tháng 4/2025 là 267.000.000 đồng, số tiền lãi quá hạn là 400.500.000 đồng. Đồng thời, bà T tiếp tục phải thanh toán số tiền nợ lãi cho đến khi trả hết nợ cho ông H.

Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn, ông Nguyễn Văn A trình bày:

Ngày 03/1/2018 bà Nguyễn Thị T có vay của ông Nguyễn Văn H số tiền 70.000.000 đồng. Ngày 13/3/2018 bà T tiếp tục vay thêm 30.000.000 đồng. Tổng số tiền vay là 100.000.000 đồng. Mỗi tháng bà T trả ông H lãi suất tương đương 4%/tháng.

Ngày 20/3/2018 bà T có vay thêm của ông H 01 cây vàng 9999. Lãi suất thoả thuận miệng là 1.000.000 đồng/tháng.

Về số tiền nợ gốc bà T thừa nhận nợ ông Nguyễn Văn H số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và 01 cây vàng 9999, về giá trị vàng hai bên thống nhất quy đổi thành tiền là 121.000.000 đồng/cây. Tổng số tiền nợ gốc bà T nợ ông H là 221.000.000 đồng.

Từ ngày 3/1/2018 đến ngày 17/8/2020, bà T đã trả đủ ông H số tiền lãi là 4%/tháng, tương đương 48%/năm. Tổng cộng bà T đã trả ông H 123.000.000 đồng. Đối với số lãi của 01 cây vàng bà T đã trả ông H 29.000.000 đồng.

Theo quy định của Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về lãi suất cho vay do hai bên thoả thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Vì vậy, ông Nguyễn Văn H cho bà Nguyễn Thị T vay với lãi suất 48%/năm là vượt quá quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên, ông đề nghị Toà án:

- Tính lại thời hiệu khởi kiện về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định của pháp luật.

- Tính lại tiền lãi suất theo quy định của pháp luật, số tiền lãi vượt quá quy định là vô hiệu và được khấu trừ vào tiền nợ gốc.

Tại phiên toà:

- Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử tính trị giá 01 cây vàng là 121.000.000 đồng. Buộc bà T

trả cho ông H số tiền nợ gốc là 221.000.000 đồng, nợ lãi là 267.000.000 đồng và lãi quá hạn là 400.500.000 đồng.

- Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn nhất trí quy đổi giá trị 01 cây vàng thành tiền là 121.000.000 đồng, nhưng không đồng ý với số tiền lãi và lãi quá hạn do nguyên đơn yêu cầu.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố Tụng Dân sự.

- Về nội dung: Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H buộc bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền nợ gốc là 221.000.000 đồng và số tiền nợ lãi là 62.164.000 đồng, không chấp nhận lãi quá hạn là 400.500.000 đồng mà ông H yêu cầu. Miễn án phí cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn H khởi kiện bà Nguyễn Thị T về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bà T có địa chỉ tại cụm 6, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của các đương sự xác định: Ngày 03/1/2018 bà Nguyễn Thị T có vay của ông Nguyễn Văn H số tiền 70.000.000 đồng, các bên thoả thuận lãi suất là 4%/tháng. Ngày 13/3/2028 bà T vay thêm của ông H số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất là 4%/tháng. Ngày 20/3/2018 bà T tiếp tục vay ông H 01 cây vàng 9999, lãi suất thoả thuận 1.000.000 đồng/tháng. Kể từ thời điểm vay bà T đã trả đầy đủ lãi cho ông H. Đến tháng 7/2020 bà T không trả lãi cho ông H dẫn đến vi phạm nghĩa vụ đã thoả thuận. Do đó, ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền nợ gốc và lãi chưa thanh toán.

Xét các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Đối với yêu cầu áp dụng thời hiệu của bị đơn:

+ Về thời gian vi phạm: Tại 01 giấy viết tay do bà T xuất trình có nội dung ghi: "*mỗi tháng 5 triệu tiền lãi tháng tôi đã trả từ trước bà T đã trả hết còn lại từ 17/8/2020 đến 17/11/2021 là bà T vẫn chưa trả*", giấy này có chữ ký của ông H phần người cho vay tiền, là ông H đã xác nhận các nội dung này là đúng sự thật. Tuy nhiên, tại phiên Toà cả hai bên thừa nhận bà T chưa trả lãi cho ông H từ tháng 7/2020. Vì vậy, xác định thời điểm bà T vi phạm là từ tháng 7/2020.

+ Về áp dụng thời hiệu khởi kiện: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên theo quy định tại 429 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện là 03 năm. Thời điểm bà T vi phạm là tháng 7/2020 nếu theo quy định thì đã hết thời hiệu. Tuy nhiên, tại biên bản làm việc ngày 14/10/2023 giữa ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T có thoả thuận: "*Trong 01 tháng kể từ ngày ký biên bản này, nếu bà T không trả lại tài sản thì ông H sẽ chuyển hồ sơ sang cơ quan Công an, Toà án....để yêu cầu xử lý, giải quyết theo quy định của pháp luật*". Có nghĩa là ông H đã gia hạn thời gian trả nợ cho bà T nên thời hiệu 03 năm phải được tính từ ngày 15/11/2023. Đồng thời theo quy định tại Điều 155 BLTT dân sự có quy định không áp dụng thời hiệu trong trường hợp yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc áp dụng thời hiệu là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

- Về số tiền nợ gốc: Bà Nguyễn Thị T xác nhận có vay của ông Nguyễn Văn H số tiền 100.000.000 đồng và 01 cây vàng 9999. Đối với 01 cây vàng 9999 các bên thừa nhận đã quy đổi thành tiền tương đương 121.000.0000 đồng. Việc các đương sự thoả thuận quy đổi là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Vì vậy, xác định tổng số tiền nợ gốc bà Nguyễn Thị T vay của ông Nguyễn Văn H là 221.000.000 đồng.

- Về số tiền nợ lãi: Các bên thoả thuận lãi suất của của 01 cây vàng 9999 là 1.000.000 đồng/tháng. Về lãi suất của 01 cây vàng các bên thoả thuận phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Đối với mức lãi suất của 100.000.000 đồng các đương sự tự nguyện thoả thuận là 4%/tháng tương đương 48%/năm nhưng lại vượt quá lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (không vượt quá 20%/năm) nên bà T chỉ phải chịu mức lãi suất 20%/năm, tương đương 1,66%/tháng. Số tiền lãi bà T trả vượt quá mức lãi suất quy định sẽ được khấu trừ, cụ thể như sau:

+ Số tiền lãi bà T đã trả theo thoả thuận của các bên là 4%/tháng:

Số tiền 70.000.000 đồng (vay tháng 1/2018 tính đến 3/2018) bà T đã trả : 2 tháng x 2.800.000 đồng/tháng = 5.600.000 đồng.

Số tiền 100.000.000 đồng (vay từ tháng 3/2018 tính đến tháng 6/2020) là 27 tháng tương đương: 27 tháng x 4.000.000 đồng/tháng = 108.000.000 đồng.

Ngoài ra từ sau tháng 7/2020 đến tháng 3/2022 bà T còn trả lãi của 05 tháng tương đương 23.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền lãi bà T trả ông H tổng số tiền là 136.600.000 đồng.

+ Số tiền lãi bà T phải trả theo quy định của pháp luật (20%/năm, tương đương 1,66%/tháng) là:

Số tiền 70.000.000 đồng từ tháng 1/2020 đến tháng 3/2020 phải trả lãi là: 2 tháng x 1.162.000 đồng/tháng = 2.324.000 đồng.

Số tiền 100.000.000 đồng phải trả lãi từ tháng 4/2020 đến tháng 6/2020 là: 27 tháng x 1.660.000 đồng/tháng = 44.820.000 đồng.

Tổng số tiền lãi bà T phải trả theo quy định là 47.144.000 đồng. Đối trừ với số tiền lãi đã trả thì bà T đã trả quá ông H 89.456.000 đồng.

Từ tháng 7/2020 đến tháng 4/2025 (57 tháng) bà T còn phải trả ông H số lãi theo quy định là: 151.620.000 đồng, cụ thể:

+ Tiền lãi của 100.000.000 đồng: 57 tháng x 1.660.000 đồng = 94.620.000 đồng.

+ Tiền lãi của 01 cây vàng là: 57 tháng x 1.000.000 đồng = 57.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền bà T trả vượt quá sẽ được khấu trừ vào số tiền lãi từ tháng 7/2020 đến tháng 4/2025, bà T còn phải trả số lãi cụ thể: 151.620.000 đồng – 89.456.000 đồng = 62.164.000 đồng. Đồng thời bà T tiếp tục phải trả số tiền lãi kể từ tháng 5/2025 với lãi suất 20%/năm cho ông H cho đến khi trả hết số nợ gốc.

- Về yêu cầu tính lãi quá hạn của nguyên đơn: Hội đồng xét xử nhận thấy các bên không có thoả thuận về việc tính lãi quá hạn nên yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà T trả số tiền lãi quá hạn là 400.500.000 đồng.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

***Áp dụng**:

- Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 184; Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 155; Điều 429; Điều 463; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Toà án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H đối với bà Nguyễn Thị T.

2. Buộc bà Nguyễn Thị T trả cho ông Nguyễn Văn H tổng số tiền là 283.164.000 đồng (*Hai trăm tám mươi ba triệu, một trăm sáu tư nghìn đồng*). Trong đó, nợ gốc là 221.000.000 đồng; Nợ lãi là 62.164.000 đồng.

Kể từ tháng 5/2025 bà Nguyễn Thị T còn phải chịu tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất là 20%/năm cho đến khi trả hết số nợ gốc cho ông Nguyễn Văn H.

Không chấp nhận các yêu cầu khác của các đương sự.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn H được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

4. Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKS H. Đan Phương, VKS TP Hà Nội;
- Chi cục THSDS H. Đan Phượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Sơn Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKS H. Đan Phương, VKS TP Hà Nội;
- Chi cục THSDS H. Đan Phượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Sơn Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**